

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Lê Truyền Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16A/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn D** - Sinh năm 1972;

Địa chỉ: 38 H. V, phường Hải C, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị H** - Sinh năm 1980. Địa chỉ: 115 T. P, phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn, ông Lê Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Trần Thị H kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 01 tháng 6 năm 2018), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 115 T.P, phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng về quan điểm sống, cô H coi thường, không tôn trọng tôi và gia đình, cha mẹ tôi, thường xuyên gây gổ nhau. Thực tế, chúng tôi kết hôn lần đầu năm 2007, năm 2011 chúng tôi ly hôn, nhưng sau đó cũng vì thương con nên tôi và cô H kết hôn lại, nhưng từ khi về chung sống lại với nhau thì mâu thuẫn giữa chúng tôi cũng không thể thay đổi được. Từ tháng 10/2020 đến nay tôi và cô H không sống chung cùng nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với cô Trần Thị H.

- Về con chung: Tôi và cô Trần Thị H có 02 con chung là cháu Lê Nam U – sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 và Lê Gia U – sinh ngày 17 tháng 7 năm 2019.

Thực tế, tuy giữa tôi và cô H có mâu thuẫn nhưng tôi thừa nhận cô H là người mẹ có trách nhiệm, chăm sóc các con rất tốt. Bản thân tôi nếu ly hôn tôi vẫn có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, nhưng hiện nay các con đều theo mẹ, vì vậy tôi đồng ý giao 02 con cho cô H trực tiếp nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng) (mỗi con 2.000.000đồng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và cô Trần Thị H không có tài sản chung, nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Trần Thị H đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, và Thông báo cho bà H có mặt tại nhà để Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà và cháu Lê Nam U, tuy nhiên bà H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng bà vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn D và Trần Thị H kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn bà H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà H thì thấy: Năm 2011, ông D và bà H thuận tình ly hôn, năm 2018 ông bà kết hôn lại, tuy nhiên ông bà không cải thiện

được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương thì: "...bà H có tranh cãi với gia đình nhà chồng, còn vấn đề giữa hai vợ chồng ông D và bà H địa phương không rõ...", bản thân bà H không đến Tòa án để hòa giải, trình bày ý kiến, do đó xác định mâu thuẫn của ông D và bà H không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông D xác định ông và bà H có 02 người con chung là Lê Nam U – sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 và Lê Gia U – sinh ngày 17 tháng 7 năm 2019. Ly hôn, ông D đồng ý giao 2 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông D tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đồng cho 02 con (mỗi con 2.000.000đồng).

Xét yêu cầu nuôi con chung của ông D thì thấy: đối với cháu Lê Nam U, Tòa án đã yêu cầu ông D dẫn cháu đến Tòa án và yêu cầu bà H cùng cháu Nam U có mặt tại nhà để Tòa án ghi lời khai, tuy nhiên cháu Nam U và bà H đều không thực hiện nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của cháu được. Đối với cháu Gia U chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, ông D cho rằng nguyện vọng của cháu Nam U muốn ở với mẹ và hiện nay 02 cháu cũng đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 cháu Nam U và Gia U cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 106 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà H vắng mặt, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (mỗi cháu 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con của ông D là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 106 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn D xác định ông và bà Trần Thị H không có tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông D phải chịu: 300.000đ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn D đối với bà Trần Thị H; Về con chung: đề nghị giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông D phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 106 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D về việc: “*Ly hôn, nuôi con*” đối với bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông Lê Văn D được ly hôn bà Trần Thị H.

2. Về quan hệ con chung:

Xử: Giao 02 con: Lê Nam U – sinh ngày 14 tháng 9 năm 2007 và Lê Gia U – sinh ngày 17 tháng 7 năm 2019 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (mỗi cháu 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn D phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình ông D đã nộp theo biên lai thu số 5065 ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Văn D phải chịu.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND quận Hải Châu;
 - Chi cục THADS Q.HC;
 - UBND phường Hải Châu I, Q. Hải Châu
- TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Anh